



Texas 
Rising Star

Trẻ Sơ Sinh

(0 – 17 tháng tuổi)

MẪU HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ LỚP HỌC

CƠ SỞ: _____

NGÀY: _____

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG GIỮ TRẺ #: _____

TÊN CỦA (CÁC) GIÁO VIÊN : _____

Nhóm Tuổi của các Trẻ Em: _____ Số Lượng Trẻ Em trong Lớp _____

Phiên Bản Tài Liệu 10.01.24

HẠNG MỤC 2

CÁC HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TƯƠNG TÁC GIỮA GIÁO VIÊN - TRẺ EM

Quy Mô Nhóm và Tỷ Lệ Nhân Viên

Phong Cách Âm Áp và Hiểu Ý

Trợ Giúp và Tạo Điều Kiện về Ngôn Ngữ

Các Giao Tiếp Tương Tác và Dạy Dỗ qua Vui Chơi

Hỗ Trợ Sự Điều Tiết của Trẻ Em

Các Hình Thức Giảng Dạy và Phương Pháp Học

SỐ NHÓM VÀ TỶ LỆ NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH

P-GSSR-01 Quy Mô Nhóm

Nhóm tuổi	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
0-11 tháng	10	không áp dụng	9	8
12-17 tháng	13	không áp dụng	12	8
18-23 tháng	18	16	12	10
2 tuổi	22	20	14	12
3 tuổi	30	24	18	16
4 tuổi	35	32	26	18
5 tuổi	35	32	28	20
6-8 tuổi	35	34	32	22
9-13 tuổi	35	34	32	22

P-GSSR-02 Tỷ lệ Nhân viên - Trẻ em

Nhóm tuổi	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
0-11 tháng	10:2	không áp dụng	9:2	4:1
12-17 tháng	5:1	không áp dụng	4:1	3:1
18-23 tháng	9:1	8:1	6:1	5:1
2 tuổi	11:1	10:1	7:1	6:1
3 tuổi	15:1	12:1	9:1	8:1
4 tuổi	18:1	16:1	13:1	9:1
5 tuổi	18:1	16:1	14:1	10:1
6-8 tuổi	18:1	17:1	16:1	11:1
9-13 tuổi	18:1	17:1	16:1	11:1

Ghi chú về cách tính điểm:

- Đối với nhóm tuổi 0-11 tháng và 12-17 tháng, không được phép sử dụng điểm 1 để chấm điểm. Các nhóm tuổi này chỉ có thể chấm điểm 0, 2, hoặc 3.
- Cho điểm 0 nếu số nhóm tối đa trong lớp học, tỷ lệ nhân viên giữ trẻ-trẻ em và số lượng giáo viên tối thiểu là thấp hơn điểm 1.
- Đối với tỷ lệ nằm trong phạm vi các điểm ghi trong đồ thị, điểm thấp hơn sẽ áp dụng cho lớp học đó.
- Các phương pháp đánh giá ở trên dành cho các số nhóm và tỷ lệ giáo viên-trẻ em chỉ áp dụng cho dịch vụ giữ trẻ tại trung tâm và tại trường. Các biện pháp đánh giá này không áp dụng cho các gia đình cung cấp dịch vụ giữ trẻ có giấy phép hành nghề và đã đăng ký hành nghề.

SỐ NHÓM VÀ TỶ LỆ NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH

Để tham chiếu, các tiêu chuẩn về cấp giấy phép tại trung tâm đối với số nhóm và tỷ lệ nhân viên giữ trẻ-trẻ em được quy định như sau:

§746.1601 Một nhân viên giữ trẻ có thể giám sát bao nhiêu trẻ em?

Tỷ lệ trong lớp học là số trẻ em một nhân viên giữ trẻ có thể giám sát và được ghi trong bảng sau đây.

Tỷ lệ lớp học là dựa trên độ tuổi quy định của trẻ em trong nhóm đó, trừ khi ghi khác trong phần phụ chương này:

Nếu độ tuổi quy định của trẻ em trong nhóm là...	Thì số lượng trẻ em tối đa mà một người chăm sóc có thể giám sát là...
0-11 tháng	4
12-17 tháng	5
18-23 tháng	9
2 tuổi	11
3 tuổi	15
4 tuổi	18
5 tuổi	22
6-8 tuổi	26
9-13 tuổi	26

§746.1609 Số nhóm tối đa là bao nhiêu?

Số nhóm tối đa và số trẻ em mà ít nhất hai nhân viên giữ trẻ có thể giám sát khi trông nom 13 trẻ em trở lên được ghi rõ trong bảng sau đây và dựa trên độ tuổi quy định của trẻ em trong nhóm:

Nếu độ tuổi quy định của trẻ em trong nhóm là...	Thì số nhóm tối đa và số lượng trẻ em mà ít nhất hai nhân viên giữ trẻ có thể giám sát là ...
0-11 tháng	10
12-17 tháng	13
18-23 tháng	18
2 tuổi	22
3 tuổi	30
4 tuổi	35
5 tuổi	35
6-8 tuổi	35
9-13 tuổi	35

PHONG CÁCH ẨM ÁP VÀ HIỂU Ý

Phong Cách ẨM ÁP và HIỂU Ý

Tuổi	Đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-WRS-01 <i>Tạo một môi trường ẩm áp, an toàn, và khuyến khích phát triển.</i>	Giáo viên thể hiện một hoặc nhiều hành vi tiêu cực.	Giáo viên thể hiện 0 hành vi tiêu cực; thông thường, giáo viên thể hiện các hành vi trung tính, một số ít hành vi tiêu cực không đáng kể, và đôi khi có các hành vi tích cực.	Giáo viên thể hiện 0 hành vi tiêu cực (nhẹ hoặc gay gắt); thông thường, giáo viên thể hiện hỗn hợp cả hành vi trung tính đến tích cực.	Giáo viên thể hiện 0 hành vi tiêu cực (nhẹ hoặc gay gắt); thông thường, giáo viên thể hiện các hành vi tích cực.
Mọi độ tuổi	P-WRS-02 <i>Thường xuyên có các hành vi tích cực không bằng lời nói để trẻ em dễ chấp nhận hơn</i>	Giáo viên sử dụng hành vi tiêu cực, gay gắt và không bằng lời nói.	Giáo viên không sử dụng các hành vi gay gắt, tiêu cực không bằng lời nói nhưng có thể sử dụng các hành vi tiêu cực không bằng lời nói, không nghiêm trọng. Giáo viên hiếm khi thể hiện các hành vi tích cực không bằng lời nói.	Giáo viên đôi khi sử dụng các hành vi tích cực không bằng lời nói, tuy nhiên bỏ lỡ nhiều cơ hội.	Giáo viên luôn sử dụng các hành vi tích cực và không bằng lời nói để trẻ em dễ chấp nhận hơn hoặc để dỗ dành các em.
Mọi độ tuổi	P-WRS-03 <i>Có phong cách kiên nhẫn, thoải mái, giúp duy trì bầu không khí bình yên trong lớp học</i>	Hành vi của giáo viên được coi là vội vàng, dồn dập, hoặc không kiên nhẫn, có thể góp phần tạo nên tâm lý lo lắng hoặc căng thẳng trong lớp học.	Hành vi của giáo viên là hỗn hợp, có những lúc thể hiện hành vi thúc giục, gây cảm giác choáng ngợp, hoặc thiếu kiên nhẫn. Các trẻ em có thể không có biểu hiện bị ảnh hưởng bởi phong cách này của giáo viên.	Giáo viên thường có cách hành xử bình tĩnh, hoặc chỉ trong những lúc căng thẳng hay xung đột mới thể hiện các dấu hiệu căng thẳng hoặc lo lắng.	Phong cách của giáo viên luôn thoải mái và bình yên; giáo viên phản hồi các dấu hiệu căng thẳng hoặc tình trạng căng thẳng ngày càng tăng ở trẻ em một cách bình tĩnh.
Mọi độ tuổi	P-WRS-04 <i>Nhận biết và đáp ứng các nhu cầu cũng như phản hồi các tín hiệu của trẻ em</i>	Giáo viên luôn lơ đãng hoặc không biết đến các dấu hiệu và nhu cầu của trẻ em.	Giáo viên đôi khi bỏ lỡ các dấu hiệu và nhu cầu của trẻ em, mặc dù có những lúc thể hiện là biết và phản hồi.	Giáo viên luôn để ý đến các dấu hiệu và nhu cầu của trẻ em, mặc dù đôi khi bỏ lỡ.	Giáo viên luôn biết được các dấu hiệu và nhu cầu của trẻ em và có thể được coi là biết rõ hoặc rất chú ý đến trẻ em.

PHONG CÁCH ẨM ÁP VÀ HIỂU Ý

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-WRS-05 <i>Phản hồi kịp thời và tình tế với các tín hiệu nhận thức và cảm xúc yêu thương của trẻ em (thừa nhận và mở rộng thêm các nỗ lực giao tiếp, vui chơi, và thể hiện nhu cầu của trẻ em)</i>	Giáo viên phản hồi tiêu cực với các tín hiệu về nhận thức hoặc tình cảm yêu thương của trẻ em, một hoặc nhiều lần cố ngôn ngữ hoặc hành vi không dùng lời nói tiêu cực khi phản hồi trẻ em, các phản hồi thường được thấy là lạnh lùng hoặc không biểu hiện cảm xúc.	Các phản hồi của giáo viên thường là trung tính và không có hành vi tiêu cực; có thể ghi nhận số lần hiếm hoi phản hồi một cách tế nhị.	Phong cách phản hồi của giáo viên thường là tích cực và âm áp và không có bằng chứng cho thấy dấu hiệu phản hồi tiêu cực.	Phong cách phản hồi của giáo viên rất nhiệt tình, trong đó trẻ em thường nhận được các phản hồi ẩm áp và tế nhị đối với các tín hiệu về nhận thức và tình cảm yêu thương của các em
Mọi độ tuổi	P-WRS-06 <i>Thể hiện khả năng điều chỉnh hành vi của bản thân để đáp ứng các nhu cầu, các mối quan tâm, và năng lực của cá nhân/các nhóm trẻ em</i>	Giáo viên không bao giờ thể hiện thái độ chấp nhận các khác biệt cá nhân; giáo viên biểu hiện 1 hoặc nhiều hành vi cho thấy không chấp nhận một hoặc nhiều trẻ em nhất định hoặc không có khả năng thích nghi với các nhu cầu của trẻ em.	Giáo viên hiếm khi thể hiện thái độ chấp nhận cá nhân trẻ em, với một hoặc nhiều lần từ chối/không điều chỉnh thích nghi ở mức độ không đáng kể.	Giáo viên đôi khi thể hiện sự công bằng, chấp nhận, và khả năng điều chỉnh thích nghi, với một số ít cơ hội cần làm tốt hơn nữa.	Giáo viên luôn phản hồi tốt với các khác biệt và nhu cầu cá nhân ở trẻ em, với những lần từ chối hoặc đối xử không công bằng.

TRỢ GIÚP VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Trợ Giúp và Tạo Điều Kiện về Ngôn Ngữ

Tuổi		Đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-LFS-01	<i>Chăm chú lắng nghe trẻ em và phản hồi thích hợp đối với ngôn ngữ, những lời nói của các em, và csc nỗ lực giao tiếp không bằng lời nói</i>	Giáo viên luôn nói lơ hoặc không biết những lần trẻ em tìm cách giao tiếp bằng lời nói và không bằng lời nói, hoặc giáo viên thể hiện 1 hoặc nhiều lần có hành vi gay gắt và tiêu cực khi phản hồi các nỗ lực giao tiếp của trẻ em.	Đôi khi giáo viên bỏ lỡ những nỗ lực giao tiếp của trẻ em, và có những lúc có 1 hành vi hơi hư hoặc thường là thái độ phản hồi trung tính hay tích cực khi trẻ em chủ động giao tiếp bằng ngôn ngữ.	Giáo viên đôi khi phản hồi tích cực đối với những nỗ lực giao tiếp của trẻ em; và bỏ lỡ một số ít lần phản hồi các nỗ lực giao tiếp của trẻ em.	Giáo viên luôn phản hồi các nỗ lực giao tiếp của trẻ em; có thể được coi là tích cực đáp ứng.
Mọi độ tuổi	P-LFS-02	<i>Sử dụng các phản hồi tích cực bằng lời nói và sự khuyến khích để động viên hoặc biểu dương hành vi ngoan hay các thành tích đạt được</i>	Giáo viên không bao giờ sử dụng ngôn ngữ tích cực để động viên hoặc khuyến khích.	Giáo viên hiếm khi sử dụng ngôn ngữ tích cực để động viên hoặc khuyến khích; khen ngợi, khuyến khích, hoặc cách biểu hiện có thể là không có cảm xúc hoặc không quan tâm.	Giáo viên đôi khi sử dụng ngôn ngữ tích cực để có hành động động viên và khuyến khích chung chung và/hoặc dưới dạng biểu đạt; sự khen ngợi và động viên thường làm âm áp và khích lệ.	Giáo viên luôn đưa ra các phản hồi và khuyến khích bằng lời nói, có thể được coi là âm áp và khích lệ, và khen ngợi cũng như khuyến khích trẻ em nhiều hơn.
Mọi độ tuổi	P-LFS-03	<i>Sử dụng ngôn ngữ để thêm ý nghĩa hoặc mở rộng thêm các sở thích và lịch sinh hoạt của trẻ em</i>	Giáo viên không sử dụng ngôn ngữ để mở rộng hoặc khích lệ hơn nữa các mối quan tâm hay lịch sinh hoạt của học sinh; khi sử dụng ngôn ngữ để mở rộng hoặc thúc đẩy hơn nữa các mối quan tâm hay thời khóa biểu sinh hoạt của học sinh, chất lượng thường rất kém.	Giáo viên thường sử dụng ngôn ngữ để mở rộng hoặc khích lệ các mối quan tâm hay thời khóa biểu sinh hoạt của trẻ em.	Giáo viên đôi khi sử dụng ngôn ngữ để mở rộng hoặc khích lệ các mối quan tâm hay thời khóa biểu sinh hoạt của trẻ em.	Giáo viên luôn sử dụng ngôn ngữ tích cực để mở rộng hoặc khích lệ các mối quan tâm hay thời khóa biểu sinh hoạt của trẻ em.
Mọi độ tuổi	P-LFS-04	<i>Giao tiếp với trẻ em trong cả ngày (chẳng hạn như trong các hoạt động dành cho cả nhóm, theo nhóm nhỏ, giờ ăn và vui chơi ngoài trời)</i>	Giáo viên hiếm khi có sự khích lệ về ngôn ngữ; ngôn ngữ của giáo viên có thể chỉ giới hạn ở mức độ đưa ra các chỉ dẫn bắt buộc hoặc kỷ luật; thường có những lúc quan sát thấy là ít giao tiếp bằng ngôn ngữ/thu mình.	Giáo viên thường sử dụng ngôn ngữ để đưa ra các chỉ dẫn hoặc hỗ trợ/uốn nắn hành vi khi cần thiết, và/hoặc có một số thời điểm đưa ra sự hỗ trợ về ngôn ngữ.	Giáo viên thường xuyên khích lệ sử dụng ngôn ngữ trong nhiều hoạt động/bối cảnh khác nhau, và/hoặc đôi khi tham gia nhưng ít sử dụng ngôn ngữ/thu mình.	Giáo viên luôn đưa ra sự hỗ trợ và khích lệ bằng ngôn ngữ trong toàn bộ thời gian quan sát, và không có thời điểm nào ít sử dụng lời nói/thu mình.

TRỢ GIÚP VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Tuổi		Đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-LFS-05	Sử dụng ngôn ngữ biểu đạt (các yếu tố mô tả và gọi tên cụ thể)	Giáo viên hiếm khi sử dụng các tên gọi và nội dung mô tả cụ thể.	Giáo viên đôi khi sử dụng các yếu tố mô tả và tên gọi cụ thể, tuy nhiên mức độ phong phú/mở rộng còn hạn chế và việc sử dụng các tên gọi cụ thể có thể chỉ trong một thời gian nhất định.	Giáo viên sử dụng nhiều yếu tố mô tả và gọi tên khác nhau; việc sử dụng các yếu tố mô tả và gọi tên cụ thể không chỉ giới hạn ở 1 hoặc 2 bối cảnh.	Giáo viên luôn sử dụng nhiều yếu tố mô tả và gọi tên phong phú.
Mọi độ tuổi	P-LFS-06	Thường xuyên tạo cơ hội cho trẻ em trò chuyện với giáo viên (chẳng hạn như theo nhóm nhỏ, cả nhóm, vui chơi ngoài trời, và giờ ăn)	Giáo viên hiếm khi khuyến khích trẻ em giao tiếp.	Giáo viên đôi khi tìm cách gọi ngôn ngữ, tuy nhiên các nỗ lực chỉ giới hạn trong một khoảng thời gian hạn chế; các giáo viên có thể khuyến khích chỉ sử dụng ngôn ngữ hạn chế hoặc ngắn gọn.	Giáo viên khuyến khích ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh/ hoạt động khác nhau, một số lần khuyến khích trẻ em sử dụng ngôn ngữ mở rộng.	Giáo viên luôn khuyến khích trẻ em sử dụng ngôn ngữ; với nhiều lần khuyến khích trẻ em sử dụng ngôn ngữ mở rộng.
Mọi độ tuổi	P-LFS-07	Cho trẻ em đủ thời gian để trả lời các câu hỏi trước khi đưa ra câu trả lời hoặc hỏi câu hỏi khác.	Giáo viên hiếm khi cho trẻ em đủ thời gian để trả lời các câu hỏi trước khi đưa ra câu trả lời hoặc hỏi câu hỏi khác.	Giáo viên đôi khi cho thời gian chờ vội vàng/quá ngắn; với một số ít lần cho trẻ em thời gian trả lời câu hỏi trước khi đưa ra câu trả lời hoặc câu hỏi khác	Giáo viên thường cho trẻ em thời gian để trả lời câu hỏi trước khi đưa ra câu trả lời hoặc hỏi câu hỏi khác nhiều lần; với rất ít lần vội vàng/thời gian chờ quá ngắn	Giáo viên luôn cho trẻ em đủ thời gian để trả lời các câu hỏi trước khi đưa ra câu trả lời hoặc hỏi câu hỏi khác.
Mọi độ tuổi	P-LFS-08	Khuyến khích từng trẻ em trong các cuộc trò chuyện qua lại (3–5 lượt) về nhiều chủ đề khác nhau; đối với trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi, đưa ra nhận xét và khuyến khích nói chuyện/các cử chỉ qua lại	Giáo viên không bao giờ tham gia trò chuyện với riêng từng em.	Giáo viên hiếm khi tham gia trò chuyện với riêng từng em, và/hoặc đa số các lần trò chuyện đều tập trung vào hành vi hoặc chỉ dẫn.	Giáo viên đôi khi tham gia trò chuyện với riêng từng em.	Giáo viên luôn tham gia trò chuyện với riêng từng em; nhiều lần trò chuyện có thể được coi là phong phú.
Mọi độ tuổi	P-LFS-09	Mở rộng kiến thức hiểu biết hoặc nội dung đề xướng của trẻ em bằng cách phát triển thêm những gì trẻ em nói hoặc thu hút sự chú ý	Giáo viên không bao giờ duy trì hoặc mở rộng tiếp những nội dung đề xướng của trẻ em với thông tin chi tiết hơn hoặc kiến thức nền tảng.	Giáo viên hiếm khi tiếp tục mở rộng các nội dung đề xướng của trẻ em với thông tin cụ thể hơn hoặc kiến thức nền tảng; giáo viên bỏ lỡ một số cơ hội.	Giáo viên đôi khi tiếp tục mở rộng các nội dung đề xướng của trẻ em với thông tin cụ thể hơn hoặc kiến thức nền tảng; giáo viên bỏ lỡ một số cơ hội.	Giáo viên luôn khích lệ các nội dung đề xướng của trẻ em với thông tin chi tiết hơn hoặc kiến thức nền tảng.

TRỢ GIÚP VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Tuổi		Đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-LFS-10	Các mô hình là cơ sở ngôn ngữ cho trẻ em về cách thể hiện các ý tưởng hoặc câu trọn vẹn dựa trên những gì đứa trẻ truyền đạt	Giáo viên không bao giờ làm mẫu cách truyền đạt các ý tưởng/câu trọn vẹn.	Giáo viên hiếm khi làm mẫu cách truyền đạt các ý tưởng/câu trọn vẹn; giáo viên bỏ lỡ cơ hội.	Giáo viên đôi khi làm mẫu cách truyền đạt các ý tưởng/câu trọn vẹn; giáo viên bỏ lỡ một số ít cơ hội.	Giáo viên luôn làm mẫu cách truyền đạt các ý tưởng/câu trọn vẹn.

Hạng Mục 2: Giao Tiếp Tương Tác giữa Giáo Viên - Trẻ Em

CÁC HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TƯƠNG TÁC VÀ DẠY DỠ QUA VUI CHƠI

Các Giao Tiếp Tương Tác và Dạy Dỗ qua Vui Chơi

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-PBIG-01 <i>Ủng hộ thái độ thích vui chơi thường xuyên bằng cách tạo cơ hội cho trẻ em chơi các trò chơi giả tưởng, đưa ra các lựa chọn, và điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với sở thích riêng của các em</i>	Giáo viên không đưa trẻ em tham gia vào các hoạt động liên quan đến các bài hát, sách, chơi đóng kịch, hoặc các trò chơi; giáo viên đưa ra phản hồi xem nhẹ sự nỗ lực của trẻ em trong các dạng trò chơi này.	Giáo viên hiếm khi đưa trẻ em tham gia vào các bài hát, các cuốn sách, chơi đóng vai, hoặc các trò chơi, và một số cơ hội này tạo cơ hội cho trẻ em vui chơi cũng như đưa ra các lựa chọn về cách thức tham gia.	Giáo viên đôi khi đưa trẻ em tham gia vào các bài hát, cuốn sách, chơi đóng vai, hoặc các trò chơi; các cơ hội này thường là do trẻ em dẫn dắt.	Giáo viên luôn đưa trẻ em tham gia vào các bài hát, các cuốn sách, chơi đóng vai, hoặc các trò chơi; các cơ hội này thường là các cơ hội để trẻ em vui chơi và đưa ra các lựa chọn về cách thức tham gia.
Mọi độ tuổi	P-PBIG-02 <i>Tham gia và mở rộng thêm trò chơi do trẻ em đề xướng để củng cố ngôn ngữ, các ý tưởng, và phát triển giao tiếp xã hội</i>	Giáo viên không tham gia và mở rộng hoạt động vui chơi do trẻ em đề xướng; giáo viên thường xuyên uốn nắn trẻ em thay vì tiếp tục mở rộng thời khóa biểu sinh hoạt/mỗi quan tâm của các em.	Giáo viên hiếm khi tham gia hoạt động vui chơi do trẻ em đề xướng; sự hỗ trợ hoặc mở rộng ngôn ngữ chỉ ở mức tối thiểu; giáo viên có thể hướng trẻ em vào các việc khác một số lần thay vì mở rộng mối quan tâm của các em	Giáo viên đôi khi tham gia hoạt động vui chơi do trẻ em đề xướng, với một số lần hỗ trợ và mở rộng ngôn ngữ hiệu quả; giáo viên hiếm khi hướng trẻ em vào các việc khác thay vì mở rộng mối quan tâm của các em.	Giáo viên luôn tham gia hoạt động vui chơi do trẻ em đề xướng; thường xuyên mở rộng và hỗ trợ ngôn ngữ hiệu quả; giáo viên ít khi uốn nắn trẻ em mà thay vào đó tiếp tục mở rộng các sở thích của các em.
Mọi độ tuổi	P-PBIG-03 <i>Chỉ dẫn khi trẻ em đang thực hiện, để phát triển dần các kỹ năng và kiến thức, thay vì sử dụng các phương pháp chỉ dẫn quá nhiều</i>	Giáo viên luôn chỉ dẫn quá nhiều; giáo viên không làm mẫu, thuyết minh, hoặc thảo luận về các cách thức thực hiện hoặc giải pháp khả thi	Giáo viên đôi khi chỉ dẫn quá nhiều; giáo viên hiếm khi hướng dẫn giúp trẻ em hoàn thành một việc theo hướng khuyến khích giải quyết vấn đề hoặc sự linh hoạt.	Giáo viên hiếm khi chỉ dẫn quá mức; giáo viên đôi khi đưa ra sự hướng dẫn trong khi trẻ em đang cố gắng hoàn thành một việc hay vui chơi.	Giáo viên không bao giờ chỉ dẫn quá nhiều; giáo viên thường xuyên đưa ra chỉ dẫn trong khi trẻ em đang cố gắng hoàn thành một bài tập hay vui chơi, thay vì sử dụng các phương pháp chỉ dẫn quá nhiều.
Mọi độ tuổi	P-PBIG-04 <i>Tạo cơ hội và/hoặc giúp trẻ em giao tiếp tương tác với các bạn bè đồng trang lứa</i>	Giáo viên không bao giờ tạo cơ hội cho trẻ em vận động tự do để tập hợp nhóm và giao tiếp tương tác một cách tự nhiên.	Giáo viên hiếm khi tạo cơ hội cho trẻ em vận động tự do để lập nhóm và giao tiếp tương tác tự nhiên; giáo viên hiếm khi tạo điều kiện giao tiếp tương tác giữa trẻ em và bạn bè đồng trang lứa của các em.	Giáo viên đôi khi tạo cơ hội cho trẻ em vận động tự do để lập nhóm và giao tiếp tương tác tự nhiên và/hoặc tạo cơ hội cho trẻ em cùng thực hiện hoặc tự làm một mình; giáo viên đôi khi khuyến khích giao tiếp tương tác giữa trẻ em và bạn bè đồng trang lứa của các em.	Giáo viên luôn tạo điều kiện cho trẻ em để giúp các em đưa ra các lựa chọn về học tập và vui chơi theo các nhóm lớn và nhỏ hoặc một mình; giáo viên luôn tạo cơ hội giao tiếp tương tác giữa trẻ em và bạn bè đồng trang lứa của các em.

CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Các Hình Thức Giảng Dạy và Phương Pháp Học

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-IFAL-01 <i>Các hoạt động giảng dạy có chủ ý được cân bằng</i>	Giáo viên không cho thấy bằng chứng về các hoạt động giảng dạy có chủ ý, và/hoặc các hoạt động được quan sát đều hoàn toàn là do giáo viên chỉ dẫn.	Giáo viên hiếm khi thể hiện sự cân bằng giữa các hoạt động giảng dạy do giáo viên hoặc trẻ em dẫn dắt, và có những khi không áp dụng các hoạt động học tập.	Giáo viên đôi khi thể hiện sự cân bằng giữa các hoạt động giảng dạy do giáo viên hoặc trẻ em dẫn dắt; tuy nhiên có những khi không nhìn thấy rõ sự cân bằng đó.	Giáo viên luôn thể hiện sự cân bằng trong các hoạt động do giáo viên dẫn dắt và trẻ em dẫn dắt.
Mọi độ tuổi	P-IFAL-02 <i>Thời khóa biểu hàng ngày thể hiện sự cân bằng giữa các hoạt động hàng ngày theo kế hoạch do cả giáo viên và trẻ em đề xướng</i>	Không có bằng chứng cho thấy sự cân bằng trong thời khóa biểu hàng ngày.	Hiếm có bằng chứng về sự cân bằng trong thời khóa biểu hàng ngày, tuy nhiên kết quả quan sát không khớp với hoạt động thường lệ đó.	Có một số bằng chứng về sự cân bằng trong thời khóa biểu hàng ngày, tuy nhiên kết quả quan sát không khớp với hoạt động thường lệ đó.	Luôn có bằng chứng về sự cân bằng giữa các hoạt động giảng dạy trong thời khóa biểu hàng ngày và kết quả quan sát khớp với hoạt động thường lệ đó.
Mọi độ tuổi	P-IFAL-03 <i>Các giờ sinh hoạt thường lệ và/hoặc chuyển tiếp được sử dụng làm thời gian học ngẫu hứng</i>	Giáo viên không bao giờ sử dụng các thói quen sinh hoạt và thời gian chuyển tiếp để học tập ngẫu nhiên.	Giáo viên hiếm khi sử dụng các thói quen sinh hoạt và/hoặc thời gian chuyển tiếp để học tập ngẫu nhiên; do đó giáo viên thường bỏ lỡ cơ hội tận dụng hiệu quả các khoảng thời gian này cho hoạt động học tập.	Giáo viên đôi khi sử dụng các thói quen sinh hoạt và/hoặc thời gian chuyển tiếp để học tập ngẫu nhiên; do đó giáo viên đôi khi có thể bỏ lỡ cơ hội tận dụng hiệu quả các khoảng thời gian này cho hoạt động học tập.	Giáo viên luôn tận dụng các thói quen sinh hoạt và/hoặc thời gian chuyển tiếp làm cơ hội cho việc học tập ngẫu nhiên.
Mọi độ tuổi	P-IFAL-04 <i>Các khoảng thời gian chuyển tiếp được lên kế hoạch nhằm tránh thường xuyên làm xáo trộn các hoạt động của trẻ em và tránh thời gian chờ đợi lâu giữa các hoạt động</i>	Giáo viên không thấy có bằng chứng về việc giáo viên tổ chức sắp xếp và chuẩn bị cho các khoảng thời gian chuyển tiếp.	Giáo viên hiếm khi thể hiện bằng chứng về sự chuẩn bị sắp xếp; và thường xuyên có sự gián đoạn và chờ đợi lâu giữa các hoạt động học tập của trẻ em.	Giáo viên đôi khi thể hiện bằng chứng về sự chuẩn bị sắp xếp; và có một số ít gián đoạn và chờ đợi lâu giữa các hoạt động học tập của trẻ em.	Giáo viên luôn sắp xếp và chuẩn bị chu đáo, qua đó hiếm khi làm gián đoạn và khiến phải chờ đợi lâu giữa các hoạt động học tập của trẻ em.
Mọi độ tuổi	P-IFAL-05 <i>Thường xuyên tiếp xúc với khái niệm mới là cách thức sử dụng trong nhiều bối cảnh học tập khác nhau trong cả ngày</i>	Không có bằng chứng cho thấy thường xuyên tiếp xúc với các khái niệm mới.	Nhân viên hiếm khi sử dụng phương pháp tiếp xúc nhiều lần với một khái niệm mới trong các bối cảnh học tập khác nhau; và có nhiều lần trong ngày bỏ lỡ các cơ hội học tập.	Nhân viên đôi khi sử dụng phương pháp tiếp xúc nhiều lần với một khái niệm mới trong một số bối cảnh học tập khác nhau; và có nhiều lần trong ngày bỏ lỡ các cơ hội học tập.	Nhân viên luôn tiếp xúc nhiều lần với khái niệm mới trong nhiều bối cảnh học tập khác nhau.

CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Trẻ sơ sinh, Trẻ mới biết đi, và Mầm non	P-IFAL-06 <i>Lớp học sử dụng các công cụ theo dõi tiến bộ của trẻ để định hướng cho việc hoạch định kế hoạch giảng dạy cho trẻ em trong lớp mà giáo viên đó phụ trách</i>	Lớp học sử dụng các công cụ chính quy theo dõi tiến bộ của trẻ để quan sát sự tiến bộ của trẻ nhưng không được dùng để làm cơ sở cho việc giảng dạy.	Lớp học sử dụng các công cụ chính quy theo dõi tiến bộ của trẻ để quan sát sự tiến bộ của trẻ và được dùng để làm cơ sở cho việc giảng dạy.	Lớp học sử dụng một công cụ chính quy theo dõi tiến bộ của trẻ để quan sát sự tiến bộ của trẻ. Lớp học có thể kết hợp các công cụ chính quy với các công cụ không chính quy và được sử dụng để làm cơ sở cho việc giảng dạy.	Lớp học sử dụng một công cụ chính quy theo dõi tiến bộ của trẻ để quan sát sự tiến bộ của trẻ và được dùng để làm cơ sở cho việc giảng dạy. Ngoài ra, có một hệ thống để hỗ trợ các hoạt động chuyển tiếp của trẻ em giữa các nhóm tuổi/lớp học và/hoặc lên cấp mẫu giáo.

HẠNG MỤC 4

MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ/NGOÀI TRỜI

Môi Trường Học Tập Trong Nhà

Môi Trường Học Tập Ngoài Trời

Hạng Mục 4: Môi Trường Trong Nhà/Ngoài Trời

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP TRONG NHÀ

Môi Trường Học Tập Trong Nhà

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-ILE-01 <i>Môi trường trong nhà được sắp xếp nhằm tạo điều kiện phân chia các mặt quan tâm cho hoạt động vui chơi (phù hợp về mặt phát triển và cho phép trẻ em vận động di chuyển dễ dàng từ khu vực này sang khu vực khác, đối với trẻ sơ sinh, nhiều cơ hội kích thích học tập được cung cấp và có thể thay đổi trong cả ngày</i>	Không có bằng chứng cho thấy việc phân chia không gian vui chơi thành các khu vực theo sở thích; hoặc giáo viên sắp xếp chưa tới 3 khu vực.	Giáo viên sắp xếp ít nhất 3 dạng khu vực sở thích khác nhau với phương tiện và dụng cụ học tập thích hợp và có đủ không gian để cung cấp các khu vực vui chơi vận động, vui chơi yên tĩnh, và vui chơi bừa bộn.	Giáo viên sắp xếp các phương tiện và dụng cụ học tập phù hợp về mặt phát triển để trẻ em vui chơi trong 4 khu sở thích với các dụng cụ vui chơi/học tập và không gian đủ để bài trí thành các khu vui chơi vận động, vui chơi yên tĩnh, và vui chơi bừa bộn.	Giáo viên sắp xếp ít nhất 5 khu sở thích, cung cấp nhiều trải nghiệm học tập khác nhau. Giáo viên sắp xếp các phương tiện và dụng cụ học tập phù hợp về mặt phát triển cho trẻ em tự sử dụng. Các khu sinh hoạt theo sở thích thường xuyên được thay đổi để tăng thêm sự đa dạng.
Mọi độ tuổi	P-ILE-02 <i>Phương tiện và các dụng cụ học tập thể hiện con người theo hướng không định kiến và phù hợp về mặt văn hóa</i>	Không nhìn thấy các đồ vật/các yếu tố chỉ báo chủ chốt.	Nhìn thấy 1-2 dạng đồ vật/các yếu tố chỉ báo chủ chốt.	Nhìn thấy 3-4 dạng đồ vật/các yếu tố chỉ báo chủ chốt.	Nhìn thấy ít nhất 5 dạng đồ vật/yếu tố chỉ báo chủ chốt.
Mọi độ tuổi	P-ILE-03 <i>Các tài liệu và vật liệu trực quan do giáo viên và trẻ em tạo ra, phù hợp với mức độ phát triển và các bức tranh thực tế được hiển thị ở tầm mắt của trẻ em</i>	Các dụng cụ học tập trực quan không được bày ở nơi vừa tầm mắt trẻ em và không có các bức tranh thực tế hoặc tác phẩm do trẻ em tạo ra.	Có các bức tranh thực tế nhiều màu sắc phản ánh tự nhiên, con người, và đồ vật nhưng không bày ở nơi vừa tầm mắt trẻ em.	Có bày các bức hình thực tế về các thành viên gia đình của trẻ em, thú cưng và những con người và địa điểm quen thuộc khác, hoặc các tác phẩm thủ công mỹ nghệ ở nơi vừa tầm mắt của trẻ em.	Có bày các bức hình thực tế về các thành viên gia đình của trẻ em, thú cưng và những con người và địa điểm quen thuộc khác và các tác phẩm thủ công mỹ nghệ ở nơi vừa tầm mắt của trẻ em.
Mọi độ tuổi	P-ILE-04 <i>Các phương tiện và tài liệu/dụng cụ học tập phản ánh sở thích của trẻ em, nhìn hấp dẫn đối với trẻ em, và được sắp xếp sao cho trẻ em biết nơi cần tìm các đồ vật và có thể dễ dàng lựa chọn và trả lại các đồ vật về vị trí cũ</i>	Phương tiện và các dụng cụ học tập không được bày trên giá thấp và không che chắn, nằm trong tầm với của trẻ em, hoặc các dụng cụ học tập có sẵn không hấp dẫn trẻ em chơi; các phương tiện và dụng cụ học tập không thú vị hoặc không dễ tiếp cận có thể dẫn đến các vấn đề về hành vi.	Hệ thống giá không có che chắn và có sẵn ở chiều cao mà trẻ em có thể tiếp cận được, tuy nhiên các vật dụng còn giới hạn.	Hệ thống giá bày/vật dụng không che chắn được bài trí trong khắp lớp học ở độ cao thích hợp với trẻ em; tất cả các giá bày/vật dụng đều được ghi nhãn; trẻ em có thể tùy ý lấy các vật dụng	Tất cả các khu vực vui chơi theo sở thích và hệ thống giá bày/vật dụng được ghi nhãn với các từ và bức tranh của các dụng cụ học tập ở độ cao thích hợp, qua đó khuyến khích trẻ em lấy dụng cụ học tập và trả lại vào đúng vị trí.

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP TRONG NHÀ

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-ILE-05 <i>Phương tiện và các tài liệu/dụng cụ khuyến khích thao tác thực hành bằng tay các đồ vật thực tế</i>	Không có bằng chứng cho thấy có các đồ vật thực tế mà trẻ em dễ lấy để chơi.	Có bằng chứng tối thiểu cho thấy có các đồ vật thực tế phù hợp với độ tuổi và dễ tiếp cận trong lớp học.	Có bằng chứng ở mức độ vừa phải cho thấy có các đồ vật thực tế phù hợp với độ tuổi và dễ tiếp cận trong lớp học.	Có nhiều bằng chứng/luôn có bằng chứng cho thấy có các đồ vật thực tế phù hợp với độ tuổi và dễ tiếp cận và dễ thấy ở trong các khu vực vui chơi theo sở thích khác nhau trong lớp học.

Hạng Mục 4: Môi Trường Học Tập Trong Nhà/Ngoài Trời

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP NGOÀI TRỜI

Môi Trường Học Tập Ngoài Trời

Tuổi	Mặt đánh giá	0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Mọi độ tuổi	P-OLE-01 <i>Môi trường ngoài trời giúp trẻ em tham gia theo các nhóm nhỏ tự phát với các hoạt động liên quan đến và củng cố thêm hoạt động học tập ở trong nhà</i>	Không có bằng chứng cho thấy có các khu vực dành cho các nhóm nhỏ và các hoạt động liên kết tới nội dung học tập ở trong nhà.	Có bằng chứng về các khu vực dành cho các nhóm nhỏ, tuy nhiên không cung cấp các hoạt động nào liên kết tới nội dung học tập ở trong nhà.	Có bằng chứng về các khu vực dành cho các nhóm nhỏ, và cung cấp ít nhất 1 hoạt động nào liên kết tới nội dung học tập ở trong nhà.	Có bằng chứng cho thấy nhiều khu vực dành cho các nhóm nhỏ và ít nhất 2 hoạt động liên kết tới nội dung học tập ở trong nhà.
Mọi độ tuổi	P-OLE-02 <i>Môi trường ngoài trời tạo cơ hội để trẻ em trông nom và chăm sóc các sinh vật và biết coi trọng thiên nhiên</i>	Các sinh vật/yếu tố tự nhiên không hiện diện trong môi trường ngoài trời.	Có 1-2 sinh vật/yếu tố tự nhiên trong môi trường ngoài trời.	Có 3-4 sinh vật/yếu tố tự nhiên trong môi trường ngoài trời.	Có hơn 5 sinh vật/yếu tố tự nhiên trong môi trường ngoài trời.
Mọi độ tuổi	P-OLE-03 <i>Các tài liệu và phương tiện tự nhiên và nhân tạo khuyến khích trẻ em vận động thể chất cũng như tham gia vui chơi vận động (chẳng hạn như giữ thăng bằng, leo trèo, bò, đẩy/kéo)</i>	Môi trường ngoài trời còn thiếu sự phong phú và không thu hút; không đủ phương tiện/dụng cụ học tập dẫn đến cảm giác nhàm chán; các trở ngại về hành vi hoặc các thương tích phát sinh do sử dụng phương tiện sai mục đích.	Một số phương tiện và dụng cụ học tập ngoài trời có sẵn cho tất cả trẻ em sử dụng mà không cần phải tranh giành quá mức hoặc chờ quá lâu	Có nhiều phương tiện và dụng cụ học tập ngoài trời khác nhau cho tất cả trẻ em sử dụng mà không cần phải tranh giành quá mức hoặc chờ quá lâu.	Phần lớn phương tiện và dụng cụ học tập ngoài trời đều có sẵn cho tất cả trẻ em sử dụng mà không cần phải tranh giành quá mức hoặc chờ đợi quá lâu; mức độ phong phú thích hợp giúp trẻ em có nhiều lựa chọn. Phương tiện và dụng cụ học tập được xoay vòng để duy trì sự quan tâm chú ý của trẻ em.
Trẻ Sơ Sinh	P-OLE-05 <i>Phương tiện và dụng cụ học tập ngoài trời khuyến khích trẻ sơ sinh trải nghiệm môi trường</i>	Phương tiện và dụng cụ học tập thiếu sự phong phú, và không phù hợp với lứa tuổi.	Phương tiện có thể bao gồm xe đẩy hoặc xe đẩy bốn bánh để khuyến khích khám phá không gian ngoài trời.	Cách bài trí cảnh quan và phương tiện có các khu vực để chải mền, bóng, gối, khối hộp, và xích đu dành cho trẻ sơ sinh.	Cách bài trí môi trường và phương tiện có các khu vực để leo trèo và bò cũng như các đặc điểm tự nhiên để quan sát.